

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2017/HS-ST
Ngày 18-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Nguyễn Hà Giang;
Các Hội thẩm nhân dân :
Ông Nguyễn Đình Quý;
Ông Hà Đức Trưởng;
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:** Ông Đào Văn Chí - Cán bộ toà án nhân dân huyện T - tỉnh Phú Thọ.
- **Đại diện VKSND huyện T - tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Ông Triệu Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T - tỉnh Phú Thọ, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017. Đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Phạm Tiến V**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 22/5/1983.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Đoàn thể: Quần chúng

Con ông: Phạm T1 S (Đã chết).

Con bà: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1956.

Vợ: Hà Thị Hồng M - Sinh năm: 1983.

Con: có 01 con Sinh năm: 2007.

Hiện mẹ, vợ và con ở tại xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh, chị, em ruột: Có 03 anh, chị em (Bị cáo là con út).

Tiền án: Có 03 tiền án. Tại Bản án số 24 ngày 23/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt Phạm Tiến V 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 34 ngày 18/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt Phạm Tiến V 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tại Bản án số 50 ngày 08/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn tuyên phạt Phạm Tiến V 72 tháng tù giam về tội “Lưu hành tiền giả”. V chấp hành xong hình phạt tù tháng 4/2016 được ra trại.

Tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/4/2017 đến ngày 29/5/2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

2. Họ và tên: **Ngô Văn H**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 21/4/1990.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Khu Đ, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Đoàn thể: Quân chúng

Con ông: Ngô Văn Đ (Đã chết).

Con bà: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1967.

Vợ: Nguyễn Thị Th1 T - Sinh năm: 1993.

Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 2012; nhỏ sinh năm: 2015).

Hiện mẹ, vợ và con ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị em ruột: Có 02 chị em (Bị cáo là con thứ hai).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn X**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 07/12/1988.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm Đồng Phú, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết).

Con bà: Phạm Thị G - Sinh năm: 1951.

Vợ: Đoàn Thị H - Sinh năm: 1990.

Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 2012; nhỏ sinh năm: 2016).

Hiện mẹ, vợ và con ở tại xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị em ruột 03 chị em (Bị cáo là con út)

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

4. Họ và tên: **Đoàn Hữu K**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 20/7/1991.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Đoàn Hữu K1 - Sinh năm: 1960.

Con bà: Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1964.

Vợ: Phan Thị T - Sinh năm: 1990.

Con: Có 01 con, Sinh năm: 2015.

Hiện bố, mẹ và vợ con ở tại xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh, chị em ruột: Có 03 anh em (Bị cáo là con út).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T1**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 24/6/1976.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Khu Đ, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 6/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Nguyễn Văn H - Sinh năm: 1954.

Con bà: Trần Thị H - Sinh năm: 1958.

Hiện bố, mẹ ở tại xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Vợ: Nguyễn Thị V - Sinh năm: 1982.

Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 2006; nhỏ sinh năm: 2009).

Hiện vợ và con ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh, chị em ruột: Có 04 anh, chị em (Bị cáo là thứ ba).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

6. Họ và tên: **Lê Văn Th1**; Tên gọi khác: C; Sinh ngày: 24/4/1990.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Khu Đ, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Lê Văn Th (Đã chết).

Con bà: Hà Thị Đ - Sinh năm: 1968.

Vợ: Hà Thị N - Sinh năm: 1994.

Con: chưa có.

Hiện mẹ, vợ ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chị em ruột: Có 02 chị em (Bị cáo là thứ hai).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

7. Họ và tên: **Nguyễn Xuân Th2**; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 10/11/1987.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Nguyễn X Th - Sinh năm: 1965.

Con bà: Ngô Thị H - Sinh năm: 1963.

Hiện ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ: Lại Thị L - Sinh năm: 1987.

Con: Nguyễn Bảo L - Sinh năm: 2013.

Hiện vợ, con ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh em ruột: Có 02 anh em (Bị cáo là con cả).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

8. Họ và tên: **Hà Thị Hồng M**; Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 07/10/1983.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: 12/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Hà Văn C - Sinh năm: 1955.

Con bà: Hà Thị M - Sinh năm: 1955.

Hiện bố, mẹ ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chồng: Phạm Tiến V - Sinh năm: 1983.(Là bị cáo trong vụ án này).

Con: có 01 con, Sinh năm: 2007.

Hiện chồng, con tại xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh em ruột: Có 04 anh em (Bị cáo là con út).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

9. Họ và tên: **Bùi Văn D1**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/8/1993.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Khu Đ, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Bùi Văn H - Sinh năm: 1960.

Con bà: Phạm Thị Đ - Sinh năm: 1960.

Hiện bố, mẹ ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ, con: Chưa có.

Anh em ruột: Có 03 anh em (Bị cáo là con út).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

10. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc D2**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 25/5/1988.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Nguyễn Văn T - Sinh năm: 1960.

Con bà: Lê Thị T - Sinh năm: 1961.

Vợ: Đinh Thị D - Sinh năm: 1990.

Con: Có 02 con (lớn sinh năm: 2010; nhỏ sinh năm: 2016).

Hiện bố, mẹ và vợ, con đều ở tại xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Anh em ruột: Có 02 anh em (Bị cáo là thứ hai).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

11. Họ và tên: **Nguyễn Công T2**; Tên gọi khác: Tùng; Sinh ngày: 15/12/1993.

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Khu Đ, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Nghề nghiệp: Lái xe ô tô; Trình độ văn hóa: 11/12; Đoàn thể: Quân chúng.

Con ông: Nguyễn Công T - Sinh năm: 1968.

Con bà: Lê Thị P - Sinh năm: 1968.

Hiện bố, mẹ ở tại xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Vợ, con: Chưa có.

Anh em ruột: Có 02 anh em (Bị cáo là thứ hai).

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương chờ xử lý.

(Các bị cáo đều có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1956

Nơi ĐKNKTT - Chỗ ở hiện nay: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 21/3/2017, Đoàn Hữu K - Sinh năm: 1991; Nguyễn Văn X - Sinh năm: 1988; Nguyễn Ngọc D2 - Sinh năm 1988 đều trú quán ở xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ và Ngô Văn H - Sinh năm 1990; Trú quán: Xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ cùng đến nhà ở của Phạm Tiến V - Sinh năm: 1983; Trú quán: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Tại đây, K, X, D2, H rủ V đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi "ba cây", V đồng ý, sau đó V đưa K, X, D2, H sang một phòng trống trong nhà bà Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1956 (Là nhà mẹ đẻ của V) ở ngay sát nhà ở của V để đánh bạc. Tại đây K lấy bộ bài tú lơ khơ của mình đã chuẩn bị trước đó, 01 chiếc chiếu trúc đã cũ có sẵn ở phòng, K trải chiếu lên nền nhà rồi cả năm người cùng ngồi trên chiếu đánh bạc ăn tiền. Khi đánh bạc các đối tượng quy định với nhau về hình thức chơi và cách thức thanh toán cụ thể như sau: Hình thức chơi “Ba cây” lấy các quân bài tú lơ khơ từ quân A đến quân 9 (Tổng số có 36 quân bài). Sau đó người cầm chương chia mỗi người 03 quân để tính điểm (Quân bài A quy ước là 01 điểm), trước khi chia bài các con bạc đặt tiền ra trước mặt để đánh với người cầm chương, ai có điểm cao hơn điểm người cầm chương thì người cầm chương phải trả cho người đó chính bằng số tiền mà họ đặt cửa và ngược lại, các đối tượng quy định mỗi người đặt tối thiểu từ 50.000đ trở lên. Nếu bài ai lên cả 03 quân bài cộng lại được 10 điểm hoặc 20 điểm thì người cầm chương phải trả gấp đôi số tiền đặt cửa. Người nào lên được 03 quân bài giống nhau (Gọi là sấp) thì chương phải trả gấp 3 lần tiền đặt cửa và ngược lại nếu chương lên bài được 03 quân bài giống nhau thì mỗi người chơi phải trả cho chương gấp 03 lần số tiền đã đặt cửa. Người nào trong ván bài được 10 điểm thì được cầm chương và chia bài các ván tiếp theo, nếu trường hợp có người chơi bằng điểm người cầm chương thì so các quân bài với nhau thứ tự ưu tiên tính theo chất lần lượt là rô, cơ, tép, bích, nếu cùng chất thì tính quân bài lớn hơn. Hình

thức thanh toán bằng tiền mặt. Đánh bạc được khoảng 30 phút thì Phạm Tiến V hết tiền nên đứng dậy, sau đó V đi xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ do có việc riêng.

Sau khi V đi thì có Hà Thị Hồng M - Sinh năm: 1983; Trú quán: Xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Là vợ của V) đi từ nhà ở của mình sang nhà bà M (Mẹ chồng của M) và tham gia đánh bạc. K, X, H, M và Nguyễn Ngọc D2 đánh bạc được một lúc thì có Bùi Văn D1 - Sinh năm: 1993; Lê Văn Th1 - Sinh năm: 1990; Nguyễn Công T2 - Sinh năm: 1993; Nguyễn Văn T1 - Sinh năm: 1976, Nguyễn Xuân Th2 - Sinh năm: 1987 đều trú quán ở xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ đến cùng tham gia đánh bạc. Trong quá trình các đối tượng đánh bạc có M thay chỗ Nguyễn Ngọc D2, Th1 thay chỗ H, Bùi Văn D1 ngồi vào chơi, các đối tượng Th2, T2, T1 không ngồi chơi mà đứng ké cửa (Đặt tiền vào những người ngồi chơi trực tiếp). Nguyễn Ngọc D2 và H nhường chỗ cho M và Th1 ngồi chơi nhưng vẫn ngồi ngoài đặt cửa ăn tiền.

Các đối tượng đánh bạc đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, Phạm Tiến V đi về và yêu cầu các đối tượng tham gia đánh bạc nộp tiền hồ. Các đối tượng người thì đưa V 50.000 đồng, người thì đưa 100.000 đồng, có người không đưa nhưng do lộn xộn nên các đối tượng không xác định được ai đưa tiền hồ, đưa bao nhiêu và ai không đưa tiền cho V. Tổng số tiền V thu được 550.000đ. Số tiền này V cho Nguyễn Xuân Th2 vay 500.000 đồng để đánh bạc còn V cầm 50.000 đồng đi ra ngoài không tham gia đánh bạc và tiêu sài cá nhân hết. Đến 13 giờ 30 phút, V ngồi ngoài sân còn các đối tượng vẫn đang đánh bạc thì bị Tổ công tác - Công an huyện T phát hiện kiểm tra. Khi đó Phạm Tiến V đang đứng ở phía bên ngoài nhà có hô to “Công an đây, chạy đi”, các đối tượng nghe vậy đứng dậy bỏ chạy, Công an huyện T bắt quả tang tại chỗ 05 đối tượng là Nguyễn Văn X, Đoàn Hữu K, Bùi Văn D1, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Th1. Tổ công tác - Công an huyện T đã tiến hành lập biên bản và thu giữ vật chứng gồm: 5.515.000 đồng thu trên chiếu bạc; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu trúc đã qua sử dụng, 01 thảm sếp màu vàng đã cũ.

Quá trình kiểm tra, V, H, X, Nguyễn Ngọc D2, T2 và M đã bỏ trốn khỏi hiện trường. Sau khi tiến hành lập biên bản, Tổ công tác Công an huyện T đã dẫn giải các đối tượng X, K, Bùi Văn D1, T1 và Th1 về trụ sở Công an huyện T để điều tra, làm rõ.

Trong ngày 21/3/2017, V, H Th2, X, Nguyễn Ngọc D2, T2 và M đến Công an huyện T để đầu thú. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T, các đối tượng khai nhận: Khi tham gia đánh bạc V có 350.000 đồng; H có 700.000 đồng; Nguyễn Ngọc D2 có 310.000 đồng; X có 1.140.000 đồng; K có 700.000 đồng; M có 400.000 đồng; T1 có 1.120.000 đồng; Th2 có 500.000 đồng; Bùi Văn D1 có 400.000 đồng; Lê Văn Th1 không có tiền nên xin Bùi Văn D1 200.000 đồng, T2 không có tiền nên xin Bùi Văn D1 50.000 đồng để tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, khi Th1 thua hết tiền đã vay của X số tiền 500.000 đồng để tiếp tục đánh bạc; Khi Th2 thua hết tiền đã vay của V số tiền 500.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Khi đến Công an huyện Tân Sơn đầu thú, Ngô Văn H tự nguyện giao nộp số tiền 1.800.000 đồng là tiền H đánh bạc thắng được và khi bỏ chạy H cầm theo; Nguyễn X Th2 tự nguyện giao nộp số tiền 400.000 đồng là tiền Th2 đánh bạc thắng được và khi bỏ chạy Th2 cầm theo. Các đối tượng khác đều khai nhận khi bị bắt hoặc bỏ chạy, toàn bộ số tiền được thua đều để trên chiếu bạc.

Ngày 10/02/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự; Các Quyết định khởi tố bị can đối với Đoàn Hữu K - Sinh năm: 1991; Nguyễn Văn X - Sinh năm: 1988; Nguyễn Ngọc D2 - Sinh năm: 1988; Hà Thị Hồng M - Sinh năm: 1983 đều trú quán ở xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ; Bùi Văn D1 - Sinh năm: 1993; Nguyễn Xuân Th2 - Sinh năm: 1987; Ngô Văn H - Sinh năm: 1990; Nguyễn Văn T1 - Sinh năm: 1976; Nguyễn Công T2 - Sinh năm: 1993 và Lê Văn Th1 - Sinh năm: 1990 đều trú quán ở xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ về tội: "*Đánh bạc*" theo Điều: 248 của Bộ luật hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Phạm Tiến V - Sinh năm: 1983; Trú quán: Xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ về tội: "*Gá bạc*" theo Điều: 249 của Bộ luật hình sự để điều tra làm rõ. Tại cơ quan cảnh sát điều tra, các đối tượng đã khai nhận toàn bộ hành vi "*Đánh bạc và Gá bạc*" của mình như đã nêu trên. Lời

khai của các bị can phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Phạm Tiến V là người tham gia đánh bạc từ đầu cùng với K, X, D2 và H, sau khi thua hết tiền, V không tham gia đánh bạc nữa. Quá trình điều tra xác định số tiền V, K, X, D2 và H dùng vào việc đánh bạc là 3.200.000 đồng. Áp dụng tình tiết có lợi cho bị can, bị cáo theo tinh thần Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội nên vận dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 về định lượng cấu thành tội đánh bạc là 5.000.000 đồng thay vì 2.000.000 đồng như quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự hiện hành thì hành vi đánh bạc của V chưa cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V về hành vi đánh bạc là phù hợp.

Quá trình các đối tượng đánh bạc ở nhà bà M (Mẹ đẻ của V) do bà M ốm phải đi điều trị bệnh ở bệnh viện. Trước khi đi có giao cho V quản lý, trông nom nhà cho bà M. V đã đồng ý để cho 10 đối tượng đánh bạc tại nhà bà M nơi mình quản lý, trông giữ và thu tiền hồ từ các con bạc với tổng số tiền 550.000 đồng. Hành vi của V đã cấu thành tội “Gá bạc” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự. Bản thân V đã có 03 tiền án: Tại Bản án số 24 ngày 23/6/2005 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt Phạm Tiến V 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Tại Bản án số 34 ngày 18/7/2007 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt Phạm Tiến V 30 tháng tù giam về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tại Bản án số 50 ngày 08/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn tuyên phạt Phạm Tiến V 72 tháng tù giam về tội “Lưu hành tiền giả”. V chấp hành xong hình phạt tù tháng 4/2016 đến ngày 21/3/2017 V lại có hành vi phạm tội. Do đó lần phạm tội này của V là tái phạm nguy hiểm. Như vậy, hành vi thu tiền hồ của V đã phạm vào tội “Gá bạc” theo quy định tại điểm c, khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự với tình tiết định khung là “Tái phạm nguy hiểm”.

Đối với bà Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1956; Trú quán: Xóm Đ, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ là chủ ngôi nhà các đối tượng dùng làm địa điểm để đánh bạc. Do bà M đang đi điều trị và giao nhà cho vợ chồng V là con trai bà M trông coi, quản lý. Việc vợ chồng V cùng các đối tượng tham gia đánh bạc tại nhà ở của bà M, bà M không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Tân Sơn không không đề cập xử lý bà M trong vụ án này là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay tổng số tiền thu được trên chiếu bạc các bị cáo không xác định được mình đã được thua bao nhiêu mà chỉ xác định được trước khi đánh các bị cáo có bao nhiêu tiền. Việc các bị cáo xác định số tiền mình có trước khi đánh bạc phù hợp với số tiền thu được trên chiếu bạc, số tiền bị cáo H, Th2 nộp lại sau khi đầu thú và số tiền bị cáo V đã chi tiêu. Như vậy tổng số tiền các bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là 7.765.000đ (bảy triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng), lời khai của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được và phù hợp với biên bản sự việc.

Tại bản cáo trạng số: 22/KSĐT-TA ngày 26/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T - tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X, Nguyễn Ngọc D2, Hà Thị Hồng M, Bùi Văn D1, Nguyễn Xuân Th2, Ngô Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Công T2 và Lê Văn Th1 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 và truy tố Phạm Tiến V về tội “Gá bạc” theo Điểm c khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999. Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo bản cáo trạng số 22/KSĐT - TA ngày 26/6/2017 và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điểm c khoản 2 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Phạm Tiến V từ 36 đến 42 tháng tù. Nhưng được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/4/2017 đến ngày 29/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt: Đoàn Hữu K từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:

- Ngô Văn H, Nguyễn Ngọc D2 mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

- Nguyễn Xuân Th2, Nguyễn Công T2 và Hà Thị Hồng M mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999

Xử phạt:

- Nguyễn Văn X từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

- Lê Văn Th1 và Bùi Văn D1 từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Thời gian thử thách của các bị cáo được hưởng án treo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Tiến V, Ngô Văn H, Bùi Văn D1, Nguyễn Công T2, Lê Văn Th1 và Nguyễn Ngọc D2.

Áp dụng khoản 3 điều 248 bộ luật hình sự phạt các bị cáo Hà Thị Hồng M, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn X, Nguyễn Xuân Th2, Đoàn Hữu K mỗi bị cáo từ 03 triệu đến 05 triệu đồng để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 1 điểm a, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tổng số tiền 7.715.000đ (Bảy triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) của các bị cáo là khoản tiền đã dùng vào việc phạm tội đánh bạc để sung quỹ nhà nước.

Tịch thu 36 (Ba mươi sáu) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng của Đoàn Hữu K để tiêu hủy.

Tịch thu 01 chiếu trúc, 01 thảm xốp màu vàng đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị M để tiêu hủy.

Buộc bị cáo Phạm Tiến V phải nộp lại số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ, các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Phạm Tiến V, Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X, Nguyễn Ngọc D2 và Ngô Văn H đều khai nhận khoảng 10 giờ 45 phút ngày 21/3/2017 K, X, D2 và Ngô Văn H đến nhà V rủ V đánh bạc ăn tiền bằng hình thức chơi ba cây, V đồng ý và đưa mọi người sang nhà mẹ đẻ V là bà M cạnh đó, K lấy bộ bài tú lơ khơ của mình đã chuẩn bị trước đó mang theo, 01 chiếu trúc cũ ở phòng, K trải chiếu và cả 05 người ngồi đánh bạc hình thức chơi, cách tính điểm, phương thức thanh toán và quy định mức tiền đặt cửa tối thiểu như nội dung của bản Cáo trạng. Lúc này các bị cáo đều xác định được số tiền có khi đánh bạc cụ thể V có 350.000đ, K có 700.000đ, Nguyễn Ngọc D2 có 310.000đ, X có 1.140.000đ, H có 700.000đ. Tổng cộng 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng). Đánh bạc được khoảng 30 phút thì V hết tiền và đi việc riêng ở xã M, sau khi V đi thì có Hà Thị Hồng M (là vợ của V) sang tham gia đánh bạc. Được một lúc thì có Bùi Văn D1, Lê Văn Th1, Nguyễn Công T2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Xuân Th2 đến cùng tham gia đánh bạc. Đến 12 giờ 30 phút thì V đi về và yêu cầu các đối tượng tham gia đánh bạc nộp tiền hồ, tổng số tiền hồ V thu được 550.000đ, số tiền này V cho Nguyễn Xuân Th2 vay 500.000đ để đánh bạc còn 50.000đ V tiêu sài hết. Đến 13 giờ 30 phút Công an huyện T phát

hiện kiểm tra thì lúc này V ở ngoài sân hô to Công an đây, chạy đi, một số đối tượng nghe thấy bỏ chạy, Công an đã bắt quả tang tại chỗ Nguyễn Văn X, Đoàn Hữu K, Bùi Văn D1, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Th1 và thu giữ vật chứng gồm: 5.515.000 đồng thu trên chiếu bạc; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu trúc đã qua sử dụng, 01 thảm sôp màu vàng đã cũ.

Quá trình điều tra, V, H, Th2, Nguyễn Ngọc D2, T2 và M đã đến Công an huyện T để đầu thú. Ngô Văn H tự nguyện giao nộp số tiền 1.800.000 đồng là tiền H đánh bạc thắng được và khi bỏ chạy H cầm theo; Nguyễn Xuân Th2 tự nguyện giao nộp số tiền 400.000 đồng là tiền Th2 đánh bạc thắng được và khi bỏ chạy Th2 cầm theo. Các đối tượng khác đều khai nhận khi bị bắt hoặc bỏ chạy, toàn bộ số tiền được thua đều để trên chiếu bạc. Do đó, tổng số tiền các đối tượng dùng vào việc đánh bạc là 7.765.000 đồng.

Hành vi Phạm Tiến V đã cho 10 người tham gia đánh bạc tại nơi mình được giao quản lý, trông coi và có thu tiền hồ với số tiền 550.000 đồng. Hành vi đó đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Gá bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Xong do V đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này V phải chịu 01 tình tiết tăng nặng định khung “Tái phạm nguy hiểm” được quy định tại Điểm c khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngoài hành vi phạm tội “Gá bạc” nêu trên, trước đó V còn có hành vi cùng với K, X, D2 và H đánh bạc, nhưng sau khi thua hết tiền, V không tham gia đánh bạc nữa. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôn nay các bị cáo đều xác định số tiền V, K, X, D2 và H dùng vào việc đánh bạc số tiền là 3.200.000 đồng. Áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo theo tinh thần Nghị quyết số: 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và Nghị quyết số: 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội nên vận dụng quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 về định lượng cấu thành tội đánh bạc là 5.000.000 đồng thay vì 2.000.000 đồng như quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì hành vi đánh bạc của V chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện và Viện kiểm sát nhân dân huyện T không đề nghị

truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V về hành vi đánh bạc là phù hợp với quy định của pháp luật.

Hành vi của Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X, Nguyễn Ngọc D2, Hà Thị Hồng M, Bùi Văn D1, Nguyễn Xuân Th2, Ngô Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Công T2 và Lê Văn Th1 có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với thời gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Phạm Tiến V phạm tội “Gá bạc”. Được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1- Người nào tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc trái phép với quy mô lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này và Điều 248 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến ba trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ một năm đến năm năm.

2- Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

...

c, Tái phạm nguy hiểm.”

Còn lại các bị cáo Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X, Nguyễn Ngọc D2, Hà Thị Hồng M, Bùi Văn D1, Nguyễn Xuân Th2, Ngô Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Công T2 và Lê Văn Th1 phạm tội “Đánh bạc”. Được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: *Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án*

về tội này hoặc tội quy định tại điều 249 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

Khoản 1 điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Sau khi so sánh khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 với khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 thì thấy khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định định lượng của cấu thành cơ bản với mức tiền từ 2.000.000đ trở lên mới đủ yếu tố cấu thành tội phạm đánh bạc, còn khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định định lượng của cấu thành cơ bản với mức tiền từ 5.000.000đ trở lên mới đủ yếu tố cấu thành tội phạm đánh bạc. Như vậy xét về định lượng của cấu thành cơ bản thì thấy khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội khi bị cáo có nhân thân tốt chưa bị xử lý gì. Do vậy căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 1 của nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cờ bạc là tệ nạn của xã hội, trước kia cũng như hiện nay nhà nước ta đã, đang loại trừ tệ nạn này, hành vi phạm tội của các bị cáo gây mất trật tự an ninh xã hội đồng thời gây dư luận xấu trong nhân dân nên cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật, có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xong trước khi quyết định hình phạt cũng

cần xem xét đến vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của từng bị cáo trước khi phạm tội để áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo đã gây ra.

Đối với bị cáo Phạm Tiến V trước khi có hành vi phạm tội lần này bị cáo đã có 03 tiền án chưa được xóa án tích do vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt “tái phạm nguy hiểm” nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng theo Điều 48 bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự; Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy lần phạm tội này cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giúp bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo Đoàn Hữu K, Ngô Văn H, Nguyễn Văn X, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Th1, Nguyễn Xuân Th2, Hà Thị Hồng M, Bùi Văn D1, Nguyễn Ngọc D2, Nguyễn Công T2 đều chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, Sau khi phạm tội các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Đối với các bị cáo H, Th2, M, T2 và Nguyễn Ngọc D2 còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự vì sau khi phạm tội các bị cáo đều đến cơ quan công an để đầu thú. Đối với bị cáo Đoàn Hữu K bố đẻ bị cáo được Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang và bị cáo Nguyễn Văn T1 bố đẻ bị cáo là thương binh và theo Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015, áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo, nên bị cáo K và bị cáo T1 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong vụ án này có đồng phạm tham gia, nhưng là đồng phạm giản đơn. Tất cả đều tham gia đánh bạc, các bị cáo Đoàn Hữu K, Ngô Văn H, Nguyễn Văn X, Nguyễn

Văn T1, Lê Văn Th1, Nguyễn Xuân Th2, Hà Thị Hồng M, Bùi Văn D1, Nguyễn Ngọc D2 và Nguyễn Công T2 đều được hưởng từ 02 đến 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; có nhân thân tốt. Sau khi phạm tội gia đình các bị cáo có đơn xin bảo lãnh, các bị cáo có nơi cư trú ổn định. Vì vậy lần phạm tội này không cần thiết phải áp dụng hình phạt tạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng hình phạt để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và địa phương một thời gian cũng đủ điều kiện giúp các bị cáo cải tạo thành người công dân tốt.

Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 3 điều 249 Bộ luật hình sự năm 1999 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*".

Theo quy định tại khoản 3 điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng*".

Qua xác minh về tài sản của cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện T ngày 14/4, 15/4 và ngày 14/5/2017 thì thấy bị cáo Lê Văn Th1, Nguyễn Công T2, Ngô Văn H, Bùi Văn D1 và Nguyễn Ngọc D2 đều không có tài sản gì có giá trị trong gia đình. Vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp. Còn các bị cáo Nguyễn Văn T1, Nguyễn Xuân Th2, Hà Thị Hồng M, Nguyễn Văn X và Đoàn Hữu K đều có tài sản có giá trị như nhà và đất, xe máy nên cần áp dụng hình phạt tiền bổ sung mỗi bị cáo 3.000.000đ để sung quỹ nhà nước.

Đối với bị cáo Phạm Tiến V mặc dù gia đình bị cáo có tài sản. Nhưng hiện tại bị cáo bị bệnh xã hội đang điều trị hàng tháng và trong vụ án này đã áp dụng hình phạt bổ sung đối với vợ bị cáo nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo là phù hợp pháp luật.

Về thu lợi bất chính: Bị cáo V gá bạc thu lợi của các con bạc được 550.000đ nhưng đã cho Th2 vay 500.000đ, Th2 đã dùng số tiền này để đánh bạc và bị thu giữ,

còn 50.000đ V tiêu sài cá nhân nên cần buộc V phải nộp lại số tiền 50.000đ để sung quỹ nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ tổng số tiền 7.715.000đ; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu trúc đã qua sử dụng, 01 tấm xốp màu vàng đã cũ. Xét thấy số tiền thu giữ của các bị cáo là số tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu trúc đã qua sử dụng, 01 tấm xốp màu vàng đã cũ không có giá trị sử dụng nay cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

a) Tuyên bố bị cáo: Phạm Tiến V phạm tội: “Gá bạc”; Các bị cáo: Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X, Nguyễn Ngọc D2, Hà Thị Hồng M, Bùi Văn D1, Nguyễn Xuân Th2, Ngô Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Công T2 và Lò Văn Th1 phạm tội: " **Đánh bạc**". Được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Nhưng Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 1 của nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 và điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 làm căn cứ để quyết định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.

b) Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 249; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Xử Phạt: Phạm Tiến V 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Nhưng được trừ thời gian tạm giam từ ngày 10/4/2017 đến ngày 29/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt:

- Đoàn Hữu K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Nguyễn Văn T1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:

- Nguyễn Xuân Th2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Nguyễn Công T2 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Hà Thị Hồng M 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Ngô Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Nguyễn Ngọc D2 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt:

- Nguyễn Văn X 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.
- Lê Văn Th1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bùi Văn D1 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Th1, Nguyễn Xuân Th2, Bùi Văn D1 và Nguyễn Công T2 cho Ủy ban nhân dân xã V huyện T và giao các bị cáo Nguyễn Văn X, Hà Thị Hồng M, Nguyễn Ngọc D2 và Đoàn Hữu K cho Ủy ban nhân dân xã M huyện T, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục. Trong trường hợp các bị cáo Ngô Văn H, Nguyễn Văn T1, Lê Văn Th1, Nguyễn Xuân Th2, Bùi Văn D1, Nguyễn Công T2, Nguyễn Văn X, Hà Thị Hồng M, Đoàn Hữu K và Nguyễn Ngọc D2 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung:

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo: Phạm Tiến V, Lê Văn Th1, Nguyễn Công T2, Ngô Văn H, Bùi Văn D1 và Nguyễn Ngọc D2;

- Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999, phạt các bị cáo: Nguyễn Văn T1, Nguyễn Xuân Th2, Hà Thị Hồng M, Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X mỗi bị cáo 3.000.000đ (Ba triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

c) Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự, khoản 1 điểm a, c, d khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tổng số tiền 7.715.000đ (Bảy triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng) của các bị cáo là khoản tiền đó dùng vào việc phạm tội đánh bạc để sung quỹ nhà nước.

Tịch thu 36 (Ba mươi sáu) quân bài tú lơ khơ đã qua sử dụng của Đoàn Hữu K để tiêu hủy.

Tịch thu 01 chiếu trúc, 01 thảm xóp màu vàng đỏ qua sử dụng của bà Nguyễn Thị M để tiêu hủy.

Buộc bị cáo Phạm Tiến V phải nộp lại số tiền 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

d) Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn Th1, Nguyễn Công T2, Ngô Văn H, Bùi Văn D1, Nguyễn Ngọc D2, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Xuân Th2, Phạm Tiến V, Hà Thị Hồng M, Đoàn Hữu K, Nguyễn Văn X mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

đ) Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh ;
- VKSND tỉnh, huyện ;
- Sở tư pháp tỉnh;
- THA (dân sự + hình sự);
- Công an huyện ;
- Những người tham gia tố tụng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hà Giang

